

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



## VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM SỞ HỮU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG THÔNG QUA ĐẤU GIÁ

(Thực hiện theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT



**Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp trong thời gian thực hiện đấu giá tại:**

### **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**

Trụ sở chính : Số 72 Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Số Điện thoại: +84 (24) 3 928 8080 Fax: +84 (24) 3 928 9888

### **Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam**

Trụ sở chính : Số 51 phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số Điện thoại: +84 (24) 62850996 Fax: +84 (24) 62850946

### **Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường**

Trụ sở chính : Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số Điện thoại: +84 (24) 35572491 Fax: +84 (24) 35572492

**CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2013/QH13 ngày 29/11/2005;
- Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp (gọi tắt là Nghị định 91);
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.
- Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020”;
- Công văn số 1692/VPCP - ĐMDN ngày 13/02/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Công văn số 1133/BTNMT-KHTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp 2018;
- Nghị quyết số 08/NQ-HĐTV ngày 14/03/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam về việc thoái vốn của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam tại Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường;
- Nghị quyết Hội đồng thành viên số 22/NQ-HĐTV ngày 18/05/2018 của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam về việc phê duyệt Phương án thoái vốn của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam tại Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 2818/QĐ-BTNMT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chứng thư thẩm định giá số 02/2018/CTTĐG-PKF.NHN ngày 28/04/2018 do Công ty TNHH PKF Việt Nam phát hành;

- Nguyên tắc thoái vốn: Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;
- Hình thức thoái vốn: Điều 29 - Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

## **THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN CHÀO BÁN**

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường
- Giá khởi điểm: 12.488 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng chào bán: 978.750 cổ phần
- Tổng giá trị chào bán theo giá khởi điểm: 12.222.630.000 đồng

## MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ .....	2
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	5
1. Tổ chức thực hiện thoái vốn.....	5
2. Tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn .....	5
3. Tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn .....	5
II. KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	5
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG .....	6
1. Thông tin cơ bản .....	6
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	7
3. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng. ....	8
4. Số cổ phần sở hữu.....	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG .....	8
1. Thông tin cơ bản .....	8
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
3. Cơ cấu cổ đông .....	10
4. Cơ cấu tổ chức công ty .....	11
5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất.....	13
6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới .....	15
7. Thông tin về tài sản và đất đai doanh nghiệp sở hữu.....	17
8. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: không có .....	17
9. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn: không có.....	17
V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	17
VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	19
VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	19
VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG .....	19

## I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### 1. Tổ chức thực hiện thoái vốn

#### TỔNG CÔNG TY TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Ông Lê Xuân Dũng - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### 2. Tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn

#### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Ông Đinh Thi Hào - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### 3. Tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Phó Tổng Giám đốc

*Theo Giấy ủy quyền số 01/2018/UQ-BVSC ngày 02/01/2018 của Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Việt.*

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ thoái vốn do Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn xây dựng và thực hiện phương án thoái vốn của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam sở hữu tại Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường số 21A/2018/BVSC-TCTTNMT/TV-PATV ngày 20/03/2018 giữa Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường cung cấp.

## II. KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

- BKS Ban Kiểm Soát
- BCKT Báo cáo kiểm toán
- BCTC Báo cáo tài chính

- BVSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
- CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Công ty	Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT	Hội đồng quản trị
- HNX	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
- Tổng công ty	Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam
- UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

### III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG

#### 1. Thông tin cơ bản

Tên giao dịch trong nước	TỔNG CÔNG TY TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV
Tên giao dịch quốc tế	VIETNAM NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT CORPORATION ONE MEMBER LIMITED COMPANY
Tên viết tắt	TMV
Vốn điều lệ	178.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Số 51 phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	(84.24) 62850996
Fax	(84.24) 62850946
Website	<a href="http://www.tainguyenmoitruong.vn">www.tainguyenmoitruong.vn</a> <a href="http://www.vinanren.vn">www.vinanren.vn</a>
Email	<a href="mailto:info@vinanren.vn">info@vinanren.vn</a>

Giấy ĐKKD	Số 0104394831 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/10/2016.
Ngành nghề kinh doanh chính	<p>Hoạt động đo đạc bản đồ, chi tiết:</p> <p><i>Bay chụp và xử lý ảnh hàng không, viễn thám;</i></p> <p><i>Tư vấn lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật và giám sát các hoạt động về đo đạc bản đồ, đất đai, địa chất, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường, biển và hải đảo;</i></p> <p><i>Xây dựng lưới khống chế tọa độ, độ cao nhà nước, lưới trọng lực, lưới địa chính các cấp hạng; Đo vẽ bản đồ địa chính các tỷ lệ và lập hồ sơ địa chính; Đo vẽ, thành lập và hiện chỉnh bản đồ địa hình; đo vẽ bản đồ địa hình đáy sông, hồ, biển, đảo; Thành lập bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính, bản đồ hành chính các cấp, các loại bản đồ chuyên ngành, chuyên đề; Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường, hệ thống thông tin đất đai, thông tin địa lý, các hệ thống thông tin chuyên ngành.</i></p>

Logo Tổng công ty



## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 2268/QĐ-BTNMT ngày 27/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị doanh nghiệp thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Các đơn vị hợp thành Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam là: Công ty Đo đạc Ảnh địa hình; Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình; Liên đoàn Trắc địa Địa hình (trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam).

Nòng cốt của Tổng công ty là những doanh nghiệp nhà nước có truyền thống, bề dày kinh nghiệm (trên 40 năm) trong lĩnh vực đo đạc bản đồ, gồm đo đạc bản đồ địa hình và đo đạc bản đồ địa chính các tỷ lệ, đo đạc bản đồ đất lâm nghiệp, thành lập cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ sở dữ liệu nền thông tin địa lý.

Ngày 30/6/2010, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 1135/QĐ-BTNMT về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Bộ Tài nguyên và Môi trường sở hữu. Tổng công ty có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng, Điều lệ tổ chức và hoạt động; được mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật; trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tư vấn, dịch vụ trong các lĩnh vực: Đo đạc và bản đồ; Tài nguyên Đất đai; Biển và hải đảo; Tài nguyên nước; Tài nguyên địa chất và khoáng sản; Môi trường; Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; Bất động sản...

### 3. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng.

Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam là cổ đông nhà nước tại Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường, Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường hiện đang là một công ty con của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.

### 4. Số cổ phần sở hữu

Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam sở hữu 978.750 cổ phần, tương đương với 73,31% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường, tương ứng với giá trị vốn góp 9.787.500.000 đồng (tính theo mệnh giá).

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

### 1. Thông tin cơ bản

Tên giao dịch trong nước	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Tên giao dịch quốc tế	CADASTRE AND ENVIRONMENTAL RESOURCES JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	CERCO
Vốn điều lệ	13.350.000.000 đồng
Trụ sở chính	Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	(84.24) 35572491



Fax

(84.24) 35572492

Website[www.datdaivietnam.vn](http://www.datdaivietnam.vn)[www.datdaivietnam.com.vn](http://www.datdaivietnam.com.vn)Email[tuvan@datdaivietnam.vn](mailto:tuvan@datdaivietnam.vn)[vinaland@datdaivietnam.vn](mailto:vinaland@datdaivietnam.vn)

Giấy ĐKKD

Số 0104581743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/04/2016

(Ngày 26/04/2016 chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên địa chính, tư vấn và Dịch vụ Đất Đai)

Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
*Chi tiết: Hoạt động đo đạc bản đồ - Bay chụp và xử lý ảnh hàng không, viễn thám. - Tư vấn lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật và giám sát các hoạt động về đo đạc bản đồ, đất đai, địa chất, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường, biển và hải đảo. - Xây dựng lưới khống chế tọa độ, độ cao nhà nước, lưới trọng lực, lưới địa chính các cấp hạng. - Đo vẽ bản đồ địa chính các tỷ lệ và lập hồ sơ địa chính. - Đo vẽ, thành lập và hiện chỉnh bản đồ địa hình; Đo vẽ bản đồ địa hình đáy sông, hồ, biển, đảo. - Thành lập bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính, bản đồ hành chính các cấp, các loại bản đồ chuyên ngành, chuyên đề. - Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường, hệ thống thông tin đất đai, thông tin địa lý, các hệ thống thông tin chuyên ngành - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; thiết kế kết cấu, kiến trúc, giám sát và xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ điện công trình xây dựng; Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35 KV; thiết kế các công trình điện dân dụng, điện công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước; Thiết kế xây dựng công trình cầu đường. - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu đường bộ), hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình,*

thiết bị công nghệ hệ thống điều hòa không khí, cấp nhiệt và khí đốt công trình dân dụng, công nghiệp. - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Điều tra, đánh giá, tìm kiếm, thăm dò địa chất, khoáng sản, nguồn nước.

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 27/02/2010 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có Quyết định số 468/QĐ-BTNMT về việc thành lập Công ty Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ đất đai trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật thuộc Công ty Đo đạc ảnh địa hình trước đây và Trung tâm Địa chính đô thị phía Bắc thuộc Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình trước đây.

Ngày 28/9/2010 Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam có Quyết định số 276/QĐ-HĐTV về việc chuyển Công ty Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ đất đai thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Ngày 12/11/2015 Bộ Tài nguyên và Môi trường có Quyết định số 2915/QĐ-BTNMT về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ đất đai thành Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường.

Ngày 14/4/2016 Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình cổ phần hóa từ ngày 26/4/2016.

Ngày 1/11/2017, cổ phiếu CTCP Địa chính và Tài nguyên Môi trường chính thức giao dịch trên sàn UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, từ khi được giao dịch chính thức cho đến hiện tại, chưa có một giao dịch nào của cổ phiếu CER được thực hiện.

## 3. Cơ cấu cổ đông

Bảng cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ SH (%)
1	Tổ chức	2	1.005.450	10.054.500.000	75,31%
2	Cá nhân	91	329.550	3.295.500.000	24,69%
	Tổng cộng	93	1.335.000	13.350.000.000	100,00%

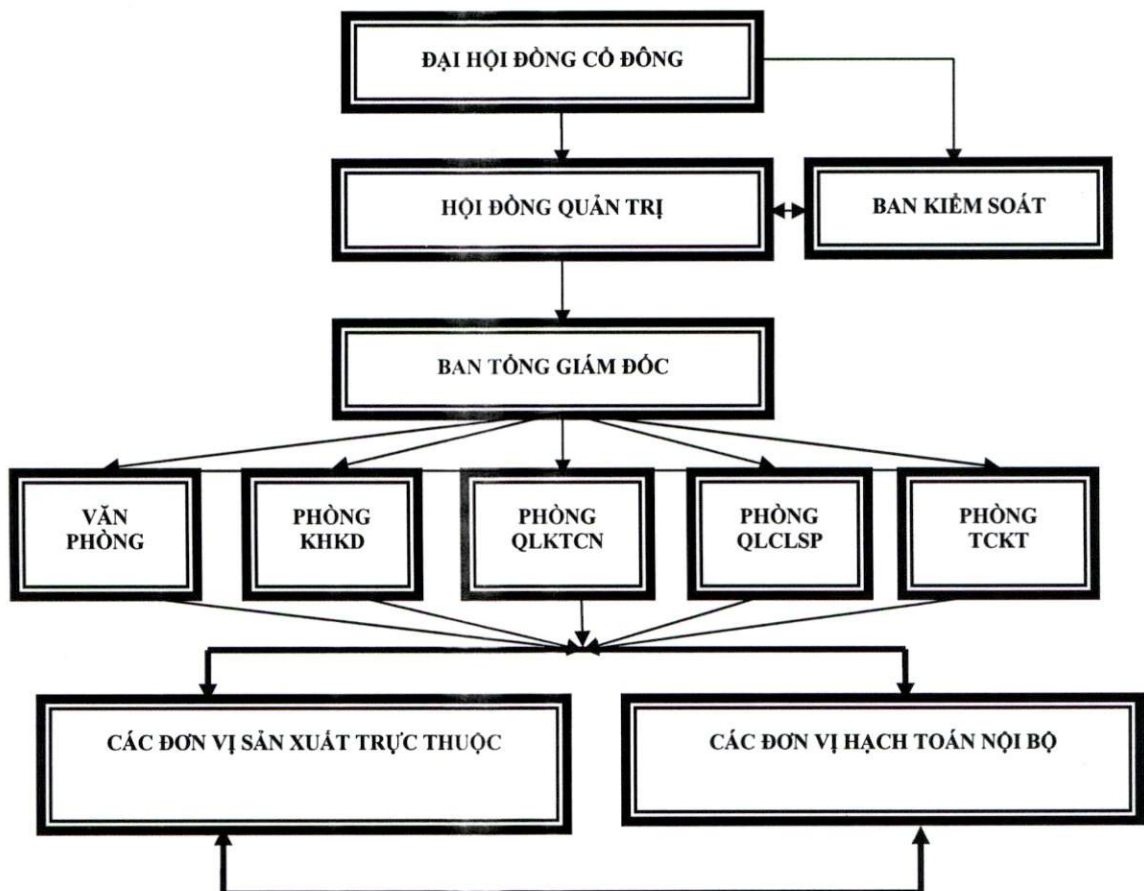
Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 12/04/2018 của Công ty

Bảng danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

TT	Cổ đông	Số CP sở hữu	Giá trị sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	978.750	9.787.500.000	73,31%
2.	Võ Bảo Long	175.750	1.757.500.000	13,16%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.154.500</b>	<b>11.545.000.000</b>	<b>86,47%</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 12/04/2018 của Công ty

#### 4. Cơ cấu tổ chức công ty



##### 4.1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

##### 4.2. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Địa chính và Tài

nguyên Môi trường do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 (ba) người: 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị, 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

#### **4.3. Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường bao gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm; Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

#### **4.4. Bộ máy Sản xuất kinh doanh của Công ty:**

##### **4.4.1. Ban Lãnh đạo:**

Ban Lãnh đạo của Công ty bao gồm: 01 Tổng giám đốc và 01 Phó tổng giám đốc. Tổng giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Phó tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

##### **4.4.2. Phòng ban:**

- Văn phòng: là phòng nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty trong các lĩnh vực: công tác tổ chức, công tác hành chính, tổng hợp...
- Phòng Tài chính Kế toán: Quản lý các hoạt động tài chính - kế toán, trong đánh giá sử dụng tài sản, tiền vốn, giao dịch Ngân hàng; thuế; thu hồi công nợ, kiểm toán nội bộ và thống kê kinh tế theo đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước, phù hợp với đặc điểm về tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty...
- Phòng Kế hoạch Kinh doanh: Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; tham gia lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán các dự án; tổ chức và thực hiện hoạt động tiếp thị, quảng cáo; giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty soạn thảo, đàm phán và tổ chức ký kết hợp đồng kinh tế, thanh lý hợp đồng với khách hàng; phối hợp với

Phòng Tài chính Kế toán quản lý, xác định và thanh toán công nợ với khách hàng...

- Phòng Quản lý Kỹ thuật Công nghệ: Lập và hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm soát và đánh giá các quá trình của hoạt động thiết kế kỹ thuật trong toàn Công ty; triển khai nghiên cứu và đề xuất các sản phẩm mới; nghiên cứu thử nghiệm, ứng dụng và đề xuất cải tiến các thiết bị, công nghệ, quy trình sản xuất mới vào quá trình sản xuất; phối hợp với Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm trong công tác tổ chức kiểm soát quá trình giám sát thi công công trình...
- Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm: đảm bảo chất lượng đối với tất cả các sản phẩm do Công ty thi công; lập kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu trong toàn Công ty theo các quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý chất lượng công trình sản phẩm đo đạc bản đồ; quản lý đất đai; môi trường; định giá đất...

#### 4.4.3. Các đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Địa chính và Tài nguyên Môi trường 1.
- Xí nghiệp Địa chính và Tài nguyên Môi trường 2.
- Xí nghiệp Địa chính và Tài nguyên Môi trường 3.
- Trung tâm Địa chính đô thị phía Bắc.
- Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ Môi trường.
- Trung tâm Quy hoạch và Dịch vụ Tài nguyên Môi trường.

#### 4.4.4. Đơn vị hạch toán nội bộ:

- Đoàn Địa chính – Tư vấn đất đai 3.

### 5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất

Đơn vị: nghìn đồng

Chỉ tiêu	26/04/2016 đến 31/12/2016	Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	141.916.912	135.797.494
Doanh thu thuần	74.550.311	79.058.584
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.356.505	1.991.998
Lợi nhuận khác	- 191.253	- 277.636
Lợi nhuận trước thuế	1.165.251	1.714.362
Lợi nhuận sau thuế	872.438	1.368.089
Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn cổ phần	5,6%	8,7%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty)

Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường bắt đầu hoạt động dưới hình

thức công ty cổ phần từ ngày 26/04/2016.

### Các khoản phải thu

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	26/04/2016 đến 31/12/2016	Năm 2017
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>75.084.228</b>	<b>81.041.210</b>
1	Phải thu khách hàng	75.820.253	80.710.932
2	Trả trước cho người bán	48.000	-
3	Các khoản phải thu khác	459.237	330.278
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	- 1.243.262	-
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>75.084.228</b>	<b>81.041.210</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty)

### Các khoản phải trả

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	26/04/2016 đến 31/12/2016	Năm 2017
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>127.694.474</b>	<b>122.329.415</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	72.526.690	74.749.639
2	Phải trả cho người bán	177.340	4.199.955
3	Người mua trả tiền trước	12.786.109	7.054.202
4	Các khoản thuế phải nộp	6.768.976	6.851.692
5	Phải trả người lao động	21.090.964	16.081.707
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.090.000	3.215.000
7	Phải trả khác	11.254.395	9.963.822
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi		213.398
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	-	-
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>127.694.474</b>	<b>122.329.415</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty)

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Khả năng thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	(lần)	1,06
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn	(lần)	0,76

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	(lần)	0,90
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	(lần)	9,08
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/Hàng tồn kho bình quân	(lần)	1,54
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	(lần)	0,58
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(%)	1,73%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(%)	10,16%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(%)	1,01%
LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	(%)	2,52%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ phần	(%)	10,25%
Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	(đồng/cp)	8,7%

(Nguồn: CTCP Địa chính và Tài nguyên Môi trường)

#### 6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017
1	Doanh thu (Tr.đ)	79.059	60.000	-24,11%
2	Lợi nhuận sau thuế (Tr.đ)	1.368	1.321	-3,44%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/doanh thu	0,017	0,022	27,14%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,102	0,099	-2,94%
5	Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá	8,7%	8,4%	-3,45%

(Nguồn: CTCP Địa chính và Tài nguyên Môi trường)

Kế hoạch sản xuất năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua, kế hoạch có một số hạng mục giảm so với năm 2017 gồm: doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ chia cổ tức. Nguyên nhân giảm kế hoạch bao gồm:

- Lực lượng trực tiếp lao động sản xuất giảm do ngành nghề của Công ty đang ở giai đoạn khó khăn về tài chính dẫn đến người lao động không yên tâm sản xuất, tư tưởng

dao động và chuyển đi nơi khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động chuyển sang ngành nghề khác do lo ngại khi thoái hết vốn nhà nước chưa biết người quản lý doanh nghiệp tiếp theo là ai, điều hành doanh nghiệp thế nào...

- Vốn điều lệ của Công ty quá nhỏ lại chủ yếu là từ giá trị tài sản là nhà xưởng và các máy móc, thiết bị cũ; không có vốn lưu động nên khó khăn trong việc mở rộng lĩnh vực hoạt động cũng như đầu tư chiều sâu để phát triển bền vững.

- Công trình đo đạc bản đồ địa chính ký với các tỉnh phải ứng vốn trước để thi công nên rất khó khăn về kinh phí, việc tạm ứng kinh phí không thể kịp thời, không đáp ứng được nhu cầu thực tế đòi hỏi vì vậy ảnh hưởng đến năng suất lao động và thu nhập của người lao động.

- Công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là công việc chịu ảnh hưởng rất lớn từ người sử dụng đất, từ cơ quan quản lý đất đai địa phương. Công tác quản lý đất đai của các địa phương đa số còn rất hạn chế; chính sách của Nhà nước về đất đai còn nhiều bất cập. Chính vì vậy hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực tư vấn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rất thấp, ảnh hưởng rất lớn đến năng suất lao động dẫn đến giảm doanh thu và lợi nhuận.

- Trình độ được đào tạo của người lao động là tương đối cao tuy nhiên năng lực thực hiện nhiệm vụ đặc biệt là trong lĩnh vực tư vấn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đạt yêu cầu nên năng suất lao động thấp.

Căn cứ đạt được doanh thu, lợi nhuận, cổ tức nêu trên:

- Căn cứ giá trị các hợp đồng đã ký, đang triển khai thực hiện.
- Căn cứ bản đăng ký kế hoạch của các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty.
- Căn cứ nguồn nhân lực hiện tại của Công ty.
- Căn cứ định hướng chiến lược của Công ty. Bao gồm:
  - + Đảm bảo hài hòa các mối quan hệ; tôn trọng, đoàn kết nội bộ; thực hiện nhiệm vụ thông qua quy chế, quy định rõ ràng để tránh xảy ra bất hòa nội bộ.
  - + Tiếp tục tái cấu trúc lại các phòng, các đơn vị sản xuất trực thuộc theo hướng tinh gọn nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ chủ chốt; chú trọng thu hồi công nợ.
  - + Tiếp tục ban hành, sửa đổi và hoàn thiện các quy chế, quy định thống nhất trong nội bộ Công ty phù hợp với quy định hiện hành và phù hợp với mô hình của công ty cổ phần; nâng cao năng suất lao động để đảm bảo lợi nhuận, đời sống người lao động tăng, đóng góp ngân sách tăng.



**7. Thông tin về tài sản và đất đai doanh nghiệp sở hữu****7.1. Tình hình tài sản:**

Khoản mục	Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	GTCL/NG (%)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	4.283.111	2.432.286	56,79%
Máy móc thiết bị	8.461.623	2.354.239	27,82%
Phương tiện vận tải	4.365.341	796.677	18,25%
<b>Tổng</b>	<b>17.110.075</b>	<b>5.583.202</b>	<b>32,63%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty)

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 693.128.429 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 863.057.824 VND.

**7.2. Tình hình sử dụng đất đai**

Hiện nay Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường đang sở hữu tài sản trên đất là một toà nhà văn phòng 05 tầng tại địa chỉ 143/85, phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân với tổng diện tích là 1150.95 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên do quy hoạch đã được phê duyệt, một phần của tòa nhà nằm trên diện tích đất của thành phố Hà Nội thuộc quy hoạch sẽ bị thu hồi giải phóng mặt bằng là 555.75 m<sup>2</sup>. Vì vậy diện tích còn lại của tòa nhà là 595,2 m<sup>2</sup>, Công ty sử dụng diện tích để làm trụ sở làm việc của Công ty và các đơn vị sản xuất trực thuộc.

Đất đai thuộc địa chỉ 143/85, phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân hiện tại vẫn do Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam thuê và quản lý do đó Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.

**8. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: không có****9. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn: không có****V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**

1. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng: 978.750 cổ phần (chiếm tỷ lệ 73,31% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).
4. Giá khởi điểm thoái vốn: 12.488 đồng/cổ phần
5. Dự kiến giá trị thu được khi chuyển nhượng (tính theo giá khởi điểm): 12.222.630.000 đồng
6. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm:

- Cơ sở tính giá khởi điểm: căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 02/2018/CTTĐG-PKF.NHN ngày 28/04/2018 do Công ty TNHH PKF phát hành về việc xác định giá trị cổ phần của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam tại Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường
  - Phương pháp tính giá: theo phương pháp so sánh tương quan (P/B) và phương pháp tài sản.
7. Phương thức chuyển nhượng vốn: đấu giá công khai thông qua tổ chức tài chính trung gian
- Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường đã giao dịch trên Upcom với mã chứng khoán CER, áp dụng theo quy định tại Điều 1, mục 13, khoản 2 của Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018, Tổng Công ty lựa chọn phương thức chuyển nhượng vốn là đấu giá công khai thông qua tổ chức tài chính trung gian.
8. Doanh nghiệp/Tổ chức đấu giá: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
9. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn và hoàn thành việc chuyển nhượng vốn: Quý II và Quý III/2018
10. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến: Được quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá cổ phần
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:
- Điều lệ Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường không có giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài.
- Hiện tại, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%. Công ty đã thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM nên giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định là 49%.
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn: không có
13. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán).

Tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam phải chịu thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, từ 01/01/2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho các doanh nghiệp như Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường là 20%.

## **VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**

Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường để thu hồi vốn đầu tư của Tổng công ty. Việc thoái vốn của Tổng công ty phù hợp với các quy định của pháp luật về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

## **VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**Công ty TNHH Kiểm toán An Việt**

Địa chỉ giao dịch: Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số Điện thoại: +84 (24) 6278 2904

Fax: +84 (24) 6278 2905

Email: [anviet@anvietcpa.com](mailto:anviet@anvietcpa.com)

### **TỔ CHỨC ĐỊNH GIÁ:**

**Công ty TNHH PKF Việt Nam**

Văn phòng chính: Tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 6664 4488

Fax: +84 (24) 6664 2233

Website: <http://www.pkf.com.vn>

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN VÀ TƯ VẤN BÁN CỔ PHẦN:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**

Trụ sở chính : Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số Điện thoại: +84 (24) 3928 8080

Fax: +84 (24) 3928 9888

Email: [info-bvsc@baoviet.com.vn](mailto:info-bvsc@baoviet.com.vn)

Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)

## **VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG**

Bản công bố thông tin này đã được Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt xây dựng một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường cung cấp.

Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin và Quy chế đấu giá trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Các nhà đầu tư trúng đấu giá, sau khi nhận chuyển quyền sở hữu cổ phần từ Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam trở thành cổ đông của Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường cam kết chấp nhận hiện trạng Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường ở thời điểm chuyển giao.

Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam và Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt được miễn trách nhiệm trong trường hợp Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường cung cấp thông tin không chính xác và không trung thực.

Hà Nội ngày 25 tháng 5 năm 2018

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG  
TỔNG CÔNG TY TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



**LÊ XUÂN DŨNG**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐƯỢC CHUYÊN NHƯỢNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**ĐINH THỊ HÀO**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

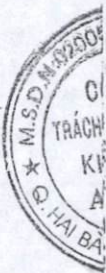


**NGUYỄN THỊ THANH THỦY**

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017**



---

Tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Đinh Thi Hào	Chủ tịch (người đại diện theo pháp luật)
Ông Võ Dương Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Việt	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Võ Dương Nguyên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Việt	Phó Tổng Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

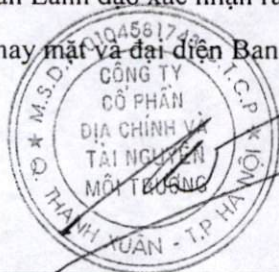
Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,



**Đinh Thi Hào**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018





Số: 52/2018/KT-AV2-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/03/2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>129.675.633.622</b>	<b>134.620.351.895</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.314.922.994</b>	<b>18.709.785.186</b>
1. Tiền	111	5	11.314.922.994	18.709.785.186
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>81.041.209.960</b>	<b>75.084.227.340</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	80.710.932.115	75.820.252.994
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	48.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	330.277.845	459.236.567
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	-	(1.243.262.221)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.296.779.435</b>	<b>40.826.339.369</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	37.296.779.435	40.826.339.369
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.721.233</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	22.721.233	-
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.121.860.139</b>	<b>7.296.560.440</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.593.617.509</b>	<b>6.249.209.244</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.583.202.849	6.230.983.580
- Nguyên giá	222		17.110.074.019	23.183.124.050
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.526.871.170)	(16.952.140.470)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	10.414.660	18.225.664
- Nguyên giá	228		140.598.000	140.598.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.183.340)	(122.372.336)
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>528.242.630</b>	<b>1.047.351.196</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	528.242.630	1.047.351.196
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>135.797.493.761</b>	<b>141.916.912.335</b>

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

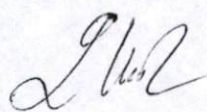
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>122.329.415.121</b>	<b>127.694.474.552</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>122.329.415.121</b>	<b>127.694.474.552</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.199.955.006	177.340.258
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.054.201.900	12.786.109.150
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.851.691.901	6.768.976.576
4. Phải trả người lao động	314		16.081.707.563	21.090.963.693
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.215.000.000	3.090.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	9.963.822.164	11.254.395.095
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	74.749.638.895	72.526.689.780
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		213.397.692	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.468.078.640</b>	<b>14.222.437.783</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>13.468.078.640</b>	<b>14.222.437.783</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.350.000.000	13.350.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.350.000.000	13.350.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		118.078.640	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	872.437.783
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	872.437.783
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>135.797.493.761</b>	<b>141.916.912.335</b>

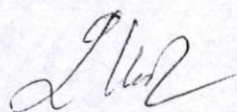
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



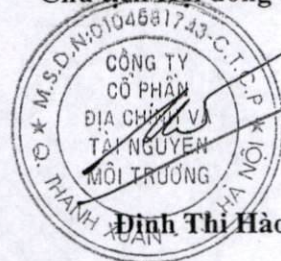
Lưu Thị Huyền

Kế toán trưởng



Lưu Thị Huyền

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Định Thị Hào

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

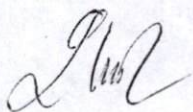
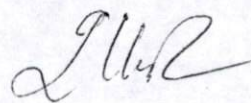
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	79.058.583.801	74.550.310.641
2. Các khoản giảm trừ	02	21	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	79.058.583.801	74.550.310.641
4. Giá vốn hàng bán	11	22	60.249.270.047	56.690.939.962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.809.313.754	17.859.370.679
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		25.360.419	16.703.404
7. Chi phí tài chính	22		6.999.704.666	5.343.760.008
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.999.704.666	5.343.760.008
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	9.842.971.694	11.175.809.428
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.991.997.813	1.356.504.647
11. Thu nhập khác	31	24	23.634	-
12. Chi phí khác	32	24	277.659.714	191.253.409
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	(277.636.080)	(191.253.409)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50		1.714.361.733	1.165.251.238
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	346.273.184	292.813.455
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.368.088.549	872.437.783
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	944	574

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Lưu Thị Huyền

Lưu Thị Huyền

Đinh Thị Hào

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

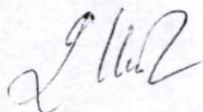
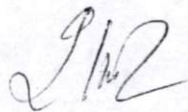
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.714.361.733	1.165.251.238
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.901.334.590	1.594.078.424
- Các khoản dự phòng	03		(1.243.262.221)	1.243.262.221
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		198.092.897	(16.703.404)
- Chi phí lãi vay	06		6.999.704.666	5.343.760.008
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.570.231.665	9.329.648.487
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.713.720.399)	(28.667.810.181)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.529.559.934	1.206.927.471
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.807.889.962)	27.677.371.018
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		496.387.333	1.139.239.237
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.235.545.742)	(4.009.517.800)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(265.398.384)	(54.284.415)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.426.375.555)	6.621.573.817
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.580.841.625)	(581.291.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		111.645.454	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.360.419	16.703.404
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.443.835.752)	(564.587.596)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		59.908.136.177	32.828.836.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(57.685.187.062)	(23.587.269.759)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(747.600.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.475.349.115	9.241.566.241
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(7.394.862.192)	15.298.552.462
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.709.785.186	3.411.232.724
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60)	70	5	11.314.922.994	18.709.785.186

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lưu Thị Huyền

Lưu Thị Huyền



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đinh Thi Hào

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Trung tâm Địa chính Đô thị phía Bắc (thuộc Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình) và Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (thuộc Công ty Đo đạc Ảnh địa hình), là Công ty con của Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 468/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Từ ngày 28/09/2010, Công ty Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ Đất đai chuyển thành Công ty TNHH MTV Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ Đất đai theo Quyết định số 277/QĐ-HĐTV ngày 28/09/2010 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104581743 thay đổi lần thứ nhất ngày 27/01/2011 thì vốn Điều lệ của Công ty là: 6.748.000.000 VND (*Sáu tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu đồng*).

Ngày 26/04/2016, Công ty TNHH MTV Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ Đất đai chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104581743 thay đổi lần thứ hai ngày 26/04/2016 với số vốn điều lệ là 13.350.000.000 VND (*Mười ba tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Ngày 01/11/2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (thị trường Upcom) với mã chứng khoán là CER.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn và dịch vụ địa chính, đất đai.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khảo sát đo đạc bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng lưới địa chính.

- Khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật; Tư vấn giám sát các hoạt động về Đo đạc bản đồ, Địa chất, Khoáng sản; Tài nguyên nước, môi trường, biển và hải đảo;

- Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;

- Kinh doanh bất động sản;

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực: Đo đạc bản đồ, đất đai, địa chất khoáng sản, tài nguyên nước; Điều tra cơ bản tài nguyên - môi trường biển, quy hoạch tổng thể phần vùng biển, môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;

- Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35 KV; Thiết kế các công trình điện dân dụng, điện công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước;

- Tư vấn, thiết kế kết cấu, kiến trúc, giám sát và xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;

- Kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô;

- Kinh doanh lữ hành du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1.3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Dịch vụ về kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan;
- Tư vấn kỹ thuật máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát địa hình công trình; Điều tra, đánh giá, tìm kiếm, thăm dò địa chất, khoáng sản, nguồn nước; Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản; Khai thác nước ngầm;
- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực để phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bất động sản;
- Kinh doanh, kiểm định máy móc, thiết bị, vật tư khoa học kỹ thuật và các sản phẩm tư liệu trong các lĩnh vực: Đo đạc bản đồ, địa chất khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường, hệ thống thông tin đất đai, thông tin địa lý, các hệ thống thông tin chuyên ngành;
- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều tra thổ nhưỡng, đánh giá thích nghi và phân hạng đất đai; Sử dụng tài nguyên nước; Khai thác khoáng sản; Bảo vệ môi trường;
- Thành lập bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính, Bản đồ hành chính các cấp, các loại bản đồ chuyên ngành, chuyên đề;
- Đo đạc các công trình phục vụ cho thiết kế, quy hoạch, xây dựng và quản lý các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm, công trình thủy;
- Đo vẽ, thành lập và hiệu chỉnh bản đồ địa hình; Đo vẽ các tỷ lệ bản đồ địa hình đáy sông, hồ, biển, đảo; Đo vẽ bản đồ địa chính các tỷ lệ và lập hồ sơ địa chính;
- Xây dựng lưới khống chế tọa độ, độ cao nhà nước, lưới trọng lực, lưới địa chính các cấp hạng;
- Khảo sát, thiết kế, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, xử lý nước sạch, nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, vệ sinh môi trường, triển khai các giải pháp phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường;
- Đo đạc các thông số môi trường; thực hiện các dịch vụ về dự báo ô nhiễm môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường; Tư vấn, thẩm định, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý ảnh hàng không, viễn thám;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm);
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không có.

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp**

*Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:*

- Xí nghiệp Địa chính và Tài nguyên môi trường 1;
- Xí nghiệp Địa chính và Tài nguyên môi trường 2;
- Xí nghiệp Địa chính và Tài nguyên môi trường 3;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1.6 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

- Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ Môi trường;
- Trung tâm Quy hoạch và Dịch vụ Tài nguyên Môi trường;
- Trung tâm Địa chính đô thị phía Bắc.

**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: Có thể so sánh được.****2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu khác; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Vận dụng Điều 9 - Xử lý về tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, Công ty không trích lập dự phòng nợ khó đòi tại ngày 31/12/2017 để phục vụ xác định giá trị doanh nghiệp để thoái vốn cổ phần của Nhà nước tại Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến các hợp đồng thiết kế đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng lưới địa chính... Chi phí sản xuất chung được phân bổ theo kinh phí được quyết toán kế hoạch giao việc cho từng công trình.

**4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**4.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm ứng dụng. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao là 04 năm.

**4.7 Chi phí trả trước**

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 2 năm kể từ khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ có giá trị lớn xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 24 tháng.

**4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.8 Các khoản nợ phải trả (tiếp theo)**

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, phải trả về cổ phần hóa và các khoản phải trả khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.9 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản đi vay theo các hợp đồng tín dụng được ký kết. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản đi vay của Công ty là các khoản vay ngân hàng và vay cá nhân. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**4.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**4.11 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm quỹ lương dự phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**4.13 Doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* đo đạc bản đồ, tư vấn, thiết kế được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- Có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc đã hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính* là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Thu nhập khác* phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.14 Giá vốn**

Giá vốn hoạt động dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành công trình, dịch vụ phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là lãi tiền vay, được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.

**4.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

**4.17 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng trong kỳ là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.18 Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)***Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.19 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Công ty mẹ).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin về các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 14, 17, 18, 21, 29.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

5	TIỀN	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND	
	Tiền mặt	391.977.099		243.918.454	
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.922.945.895		18.465.866.732	
	<b>Cộng</b>	<b>11.314.922.994</b>		<b>18.709.785.186</b>	
6	PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND	
	<b>Ngắn hạn</b>	<b>80.710.932.115</b>		<b>75.820.252.994</b>	
	Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	41.054.838.994		22.379.683.370	
	<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên</i>	<i>16.459.726.000</i>		<i>21.983.380.114</i>	
	<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế</i>	<i>9.077.872.000</i>		-	
	<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên</i>	<i>15.517.240.994</i>		<i>396.303.256</i>	
	Các khoản phải thu của khách hàng khác	39.656.093.121		53.440.569.624	
	Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
	<i>Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam - Công ty mẹ</i>	<i>4.377.181.599</i>		<i>1.594.831.398</i>	
7	CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	<b>Ngắn hạn</b>	<b>330.277.845</b>	-	<b>459.236.567</b>	-
	Ký cược, ký quỹ	-	-	113.112.630	-
	Phải thu cơ quan bảo hiểm	6.410.820	-	32.046.865	-
	Phải thu khác	323.867.025	-	314.077.072	-
	<i>Xí nghiệp Tài nguyên Môi trường 6</i>	-	-	<i>34.863.636</i>	-
	<i>Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>313.221.427</i>	-	<i>279.213.436</i>	-
	<i>Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Điện Biên</i>	<i>10.645.598</i>	-	-	-
8	DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI	Năm nay		Năm trước	
		VND		VND	
	<b>Ngắn hạn</b>				
	Số đầu năm	1.243.262.221		-	
	Trích lập dự phòng	-		1.243.262.221	
	Hoàn nhập dự phòng	(1.243.262.221)		-	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>		<b>1.243.262.221</b>	
	Trong đó:				
	- Phải thu của khách hàng	-		1.243.262.221	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 9 NỢ XẤU

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.381.629.338	88.895.513	2.064.443.049	821.180.828
<i>Các khoản phải thu khách hàng</i>	<i>1.381.629.338</i>	<i>88.895.513</i>	<i>2.064.443.049</i>	<i>821.180.828</i>
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tuần Giáo <i>Thời gian quá hạn: 26 tháng</i>	296.318.378	88.895.513	296.318.378	148.159.189
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>296.318.378</i>	<i>88.895.513</i>	<i>296.318.378</i>	<i>148.159.189</i>
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đông Hưng <i>Thời gian quá hạn: 24 tháng</i>	-	-	383.422.774	191.711.387
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>383.422.774</i>	<i>191.711.387</i>
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Đường <i>Thời gian quá hạn: 36 tháng</i>	273.354.500	-	273.354.500	82.006.350
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>273.354.500</i>	<i>-</i>	<i>273.354.500</i>	<i>82.006.350</i>
Các đối tượng khác	811.956.460	-	1.111.347.397	399.303.902

## 10 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	62.181.819	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.296.779.435	-	40.764.157.550	-
<b>Cộng</b>	<b>37.296.779.435</b>	<b>-</b>	<b>40.826.339.369</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2017	4.283.110.682	15.025.201.529	3.874.811.839	23.183.124.050
Mua trong năm	-	1.007.707.080	573.134.545	1.580.841.625
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.571.286.068)	(82.605.588)	(7.653.891.656)
Số dư tại ngày 31/12/2017	<u>4.283.110.682</u>	<u>8.461.622.541</u>	<u>4.365.340.796</u>	<u>17.110.074.019</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2017	1.730.401.049	11.992.289.169	3.229.450.252	16.952.140.470
Khấu hao trong kỳ	120.423.552	1.351.281.302	421.818.732	1.893.523.586
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.236.187.298)	(82.605.588)	(7.318.792.886)
Số dư tại ngày 31/12/2017	<u>1.850.824.601</u>	<u>6.107.383.173</u>	<u>3.568.663.396</u>	<u>11.526.871.170</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2017	<u>2.552.709.633</u>	<u>3.032.912.360</u>	<u>645.361.587</u>	<u>6.230.983.580</u>
Số dư tại ngày 31/12/2017	<u>2.432.286.081</u>	<u>2.354.239.368</u>	<u>796.677.400</u>	<u>5.583.202.849</u>

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là: 693.128.429 VND (tại 31/12/2016: 1.117.863.257 VND).

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 863.057.824 VND (tại ngày 31/12/2016: 2.450.382.107 VND).

**12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>12.1 Ngắn hạn</b>	<b>22.721.233</b>	<b>-</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	22.721.233	-
<b>12.2 Dài hạn</b>	<b>528.242.630</b>	<b>1.047.351.196</b>
Lợi thế kinh doanh	255.120.354	1.020.481.416
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	273.122.276	26.869.780

**13 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	140.598.000	122.372.336	18.225.664
Khấu hao trong năm	-	7.811.004	
Số cuối năm	<u>140.598.000</u>	<u>130.183.340</u>	<u>10.414.660</u>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.199.955.006</b>	<b>177.340.258</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	4.148.255.006	177.340.258
<i>Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 6</i>	<i>4.148.255.006</i>	-
<i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	-	<i>177.340.258</i>
Phải trả cho các đối tượng khác	51.700.000	-
Phải trả người bán là các bên liên quan		
<i>Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 6 - Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ</i>	<i>4.148.255.006</i>	-
<i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam - Công ty mẹ</i>	-	<i>177.340.258</i>

## 15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	5.899.784.802	6.572.359.194	6.544.936.049	5.927.207.947
Thuế thu nhập doanh nghiệp	286.910.909	346.273.184	265.398.384	367.785.709
Thuế thu nhập cá nhân	582.280.865	479.972.320	505.554.940	556.698.245
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.768.976.576</b>	<b>7.413.604.698</b>	<b>7.330.889.373</b>	<b>6.851.691.901</b>

## 16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.215.000.000</b>	<b>3.090.000.000</b>
Trích trước tiền lương dự phòng	3.215.000.000	3.090.000.000

## 17 PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.963.822.164</b>	<b>11.254.395.095</b>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.161.450.000	-
- <i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	<i>851.512.500</i>	-
- <i>Các cổ đông khác</i>	<i>309.937.500</i>	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.802.372.164	11.254.395.095
- <i>Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Miền Nam</i>	<i>2.700.000.000</i>	<i>3.200.000.000</i>
- <i>Lãi vay phải trả</i>	<i>5.355.230.726</i>	<i>4.591.071.802</i>
- <i>Phải trả khác</i>	<i>747.141.438</i>	<i>3.463.323.293</i>
Phải trả khác là bên liên quan		
<i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	<i>851.512.500</i>	-
<i>Mối quan hệ Công ty mẹ</i>	<i>851.512.500</i>	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>74.749.638.895</b>	<b>72.526.689.780</b>
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>2.497.538.060</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Vay cá nhân (*)</i>	<i>72.252.100.835</i>	<i>72.026.689.780</i>
Văn phòng Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường	40.543.768.200	46.053.418.362
Xí nghiệp Địa chính và Tài nguyên môi trường 1	8.940.000.000	7.219.000.000
Xí nghiệp Địa chính và Tài nguyên môi trường 2	2.050.000.000	300.000.000
Xí nghiệp Địa chính và Tài nguyên môi trường 3	3.090.072.635	3.456.435.418
Trung tâm Kỹ thuật công nghệ môi trường	2.550.000.000	2.910.000.000
Trung tâm Quy hoạch và Dịch vụ tài nguyên môi trường	7.927.260.000	6.977.836.000
Trung tâm Địa chính và Đô thị phía Bắc	7.151.000.000	5.110.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính bên liên quan</b>		
<i>Ông Đinh Thị Hào</i>		
	<b>Mối quan hệ</b>	
	<i>Chủ tịch Hội đồng quản trị</i>	
	920.000.000	2.082.250.162

(\*) Các khoản vay cá nhân chịu lãi suất theo thỏa thuận giữa Công ty và các cá nhân cho vay nhưng không vượt quá 1,5 lần mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay (lãi suất vay cá nhân không quá 1,1%/tháng).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Biến động các khoản vay:

	Số cuối năm VND		Trong kỳ VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngân hàng (**)</i>	2.497.538.060	2.497.538.060	2.497.538.060	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.497.538.060	2.497.538.060	2.497.538.060	500.000.000	500.000.000	500.000.000
<i>Vay cá nhân</i>	72.252.100.835	72.252.100.835	57.410.598.117	57.185.187.062	72.026.689.780	72.026.689.780
Các cá nhân	72.252.100.835	72.252.100.835	57.410.598.117	57.185.187.062	72.026.689.780	72.026.689.780
<b>Cộng</b>	<b>74.749.638.895</b>	<b>74.749.638.895</b>	<b>59.908.136.177</b>	<b>57.685.187.062</b>	<b>72.526.689.780</b>	<b>72.526.689.780</b>

(\*\*) Chi tiết các hợp đồng vay còn số dư tại 31/12/2017:

Hợp đồng tín dụng số 288/2017 HĐCVHM/NHCT124-ĐC TNMT ngày 18/09/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình và Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường:

Hạn mức cho vay: 3.000.000.000 VND; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 24/05/2018.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

Lãi suất vay: là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ; phương thức áp dụng lãi suất cho vay là lãi suất cho vay thả nổi; lãi được thanh toán một tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng.

Thời hạn vay: thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng/Giấy nhận nợ.

Kỳ trả nợ: thanh toán khoản nợ vào ngày trả nợ được ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm khác theo sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

Tài sản đảm bảo: theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 536/2016/HĐTCTS/NHCT124-PKHĐNVVN/ĐC TNMT ngày 12/10/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 537/2016/HĐTCTS/NHCT124-PKHĐNVVN/ĐC TNMT ngày 12/10/2016 (Xem thêm tại thuyết minh Tài sản cố định hữu hình).

Số dư tiền vay tại ngày 31/12/2017 là 2.497.538.060 VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 26/04/2016	13.350.000.000	-	-	13.350.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	872.437.783	872.437.783
Tại ngày 31/12/2016	13.350.000.000	-	872.437.783	14.222.437.783
Lãi trong kỳ	-	-	1.368.088.549	1.368.088.549
Phân phối lợi nhuận 2016 (*)	-	118.078.640	(971.678.640)	(853.600.000)
Tạm phân phối lợi nhuận 2017 (**)	-	-	(1.268.847.692)	(1.268.847.692)
Tại ngày 31/12/2017	13.350.000.000	118.078.640	-	13.468.078.640

(\*) Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2017 ngày 20/4/2017; trong đó trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 106.000.000 VND, trích quỹ đầu tư phát triển 118.078.640 VND và chia cổ tức theo tỷ lệ cổ tức là 5,6%.

(\*\*) Tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 27/03/2018; trong đó tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 107.397.692 VND và tạm ứng cổ tức theo tỷ lệ cổ tức là 8,7%.

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm	Số đầu năm	
Số lượng (cổ phần)	Vốn góp VND	Số lượng (cổ phần)	Vốn góp VND
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	978.750	978.750	9.787.500.000
Các cổ đông khác	356.250	356.250	3.562.500.000
	1.335.000	1.335.000	13.350.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	281.374.170	281.374.170
<b>Cộng</b>	<b>281.374.170</b>	<b>281.374.170</b>

**21 DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.058.583.801	74.550.310.641
Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.058.583.801	74.550.310.641
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>79.058.583.801</b>	<b>74.550.310.641</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan		
<i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam - Công ty mẹ</i>	<i>10.580.254.403</i>	<i>2.207.160.572</i>

**22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	60.249.270.047	56.690.939.962
<b>Cộng</b>	<b>60.249.270.047</b>	<b>56.690.939.962</b>

**23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>9.842.971.694</b>	<b>11.175.809.428</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.184.911.875	2.850.824.841
Trích dự phòng quỹ tiền lương	3.215.000.000	3.090.000.000
Trích/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(1.243.262.221)	1.243.262.221
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.686.322.040	3.991.722.366

**24 LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản khác	23.634	-
<b>Thu nhập khác</b>	<b>23.634</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 24 LỢI NHUẬN KHÁC (TIẾP THEO)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	223.453.316	-
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội	6.000.000	45.441.712
Thuế thu nhập cá nhân của lao động thời vụ chưa khấu trừ	-	77.728.332
Xử lý nợ phải thu khó đòi	-	66.223.213
Các khoản khác	48.206.398	1.860.152
<b>Chi phí khác</b>	<b>277.659.714</b>	<b>191.253.409</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(277.636.080)</b>	<b>(191.253.409)</b>

## 25 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)</b>	<b>1.714.361.733</b>	<b>1.165.251.238</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>17.004.185</i>	<i>298.816.032</i>
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội	6.000.000	45.441.712
Xử lý nợ phải thu khó đòi nhưng chưa đầy đủ hồ sơ theo quy định	-	66.223.213
Thuế thu nhập cá nhân của lao động thời vụ chưa khấu trừ	-	77.728.332
Dự phòng nợ phải thu khó đòi trích lập nhưng chưa đủ điều kiện	-	107.562.623
Chi phí khác	11.004.185	1.860.152
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lỗi năm trước chuyển sang (4)	-	-
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)</b>	<b>1.731.365.918</b>	<b>1.464.067.270</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (7)=(5)*(6)	346.273.184	292.813.455
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>346.273.184</b>	<b>292.813.455</b>

## 26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	1.368.088.549	872.437.783
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	<i>107.397.692</i>	<i>106.000.000</i>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)</b>	<b>1.260.690.857</b>	<b>766.437.783</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	1.335.000	1.335.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)</b>	<b>944</b>	<b>574</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)**

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, bao gồm: Quyền chọn mua chứng quyền và các công cụ tương đương; công cụ tài chính có thể chuyển đổi; cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện; hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông hoặc bằng tiền; các quyền chọn đã được mua; quyền chọn bán đã phát hành... nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.160.143.902	6.296.998.426
Chi phí nhân công	40.722.840.869	42.723.404.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.901.334.590	1.594.078.424
Chi phí dự phòng	(1.243.262.221)	1.243.262.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.941.092.144	906.620.577
Chi phí khác	14.142.714.342	13.833.275.865
<b>Cộng</b>	<b>66.624.863.626</b>	<b>66.597.640.100</b>

**28 CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Theo Công văn số 1692/VPCP-ĐMDN ngày 13/02/2018 của Văn phòng Chính phủ đã yêu cầu hoàn thành việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường trong năm 2018 theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 về việc phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2017 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**29 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Giao dịch với các bên liên quan:***Mua hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam - Công ty mẹ	191.094.540	161.576.582
Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 6 - Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	3.984.513.643	-

*Số dư với các bên liên quan:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Các khoản người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam - Công ty mẹ	-	6.294.500.000

*Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản khác	887.743.620	613.138.125

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**30 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.18.

	Giá trị ghi sổ Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	11.314.922.994	18.709.785.186
Phải thu của khách hàng	80.710.932.115	74.576.990.773
Phải thu khác	330.277.845	459.236.567
<b>Cộng</b>	<b>92.356.132.954</b>	<b>93.746.012.526</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	4.199.955.006	177.340.258
Chi phí phải trả	3.215.000.000	3.090.000.000
Phải trả khác	9.963.822.164	11.254.395.095
Vay và nợ thuê tài chính	74.749.638.895	72.526.689.780
<b>Cộng</b>	<b>92.128.416.065</b>	<b>87.048.425.133</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

**31 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 26/04/2016 đến ngày 31/12/2016 (kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty dưới hình thức Công ty cổ phần) của Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và điều chỉnh theo biên bản Kiểm toán Nhà nước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh theo biên bản Kiểm toán Nhà nước đến số liệu so sánh trong báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Đơn vị tính: VND				
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.669.735.719	99.240.857	6.768.976.576
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	971.678.640	(99.240.857)	872.437.783



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

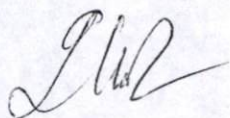
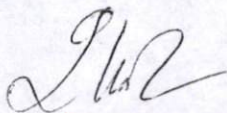
**31 SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)**

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Chi phí khác	32	113.525.077	77.728.332	191.253.409
Lợi nhuận khác	40	(113.525.077)	(77.728.332)	(191.253.409)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.242.979.570	(77.728.332)	1.165.251.238
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	271.300.930	21.512.525	292.813.455
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	971.678.640	(99.240.857)	872.437.783

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lưu Thị Huyền

Lưu Thị Huyền



PHÓ CHỦ TỊCH  
*Dỗ Thúy Huyền*

Số: 1133 /BTNMT-KHTC

V/v thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp  
trong năm 2018

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

- Kính gửi: - Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;  
- Công ty cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường;  
- Công ty cổ phần Tài nguyên - Môi trường biển;  
- Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản;  
- Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ về việc thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại Công văn số 1692/VPCP - ĐMDN ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện như sau:

1. Đối với Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam:

- Khẩn trương đôn đốc và giám sát chặt chẽ việc thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường, Công ty cổ phần Tài nguyên - Môi trường biển đảm bảo việc thoái vốn hoàn thành trong Quý I năm 2018 như cam kết tại Công văn số 506/TNMT-TCKT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tổng công ty; báo cáo tiến độ thực hiện thoái vốn tại thời điểm ngày 15/03/2018 và thời điểm ngày 25/03/2018 của 02 công ty cổ phần nêu trên về Bộ để kịp thời xử lý và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Chủ động đôn đốc và triển khai thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản, Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quyết định phê duyệt "Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020"; yêu cầu hoàn thành trong Quý III năm 2018.

2. Đối với 04 công ty cổ phần:

- Công ty cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường, Công ty cổ phần Tài nguyên - Môi trường biển: nghiêm túc thực hiện các công việc cần thiết để hoàn thành việc thoái vốn, hàng tuần phải báo cáo tiến độ thực hiện (và báo cáo đột xuất nếu gặp vướng mắc) về Tổng công ty để kịp thời xử lý. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc 02 công ty cổ phần nêu trên hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Tổng công ty và Bộ nếu để xảy ra chậm trễ trong việc thoái vốn theo quy định.

- Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản, Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường: đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc thoái vốn để đảm bảo hoàn thành đúng thời gian theo yêu cầu; hàng tháng báo cáo tình hình và kết quả thực hiện về Tổng công ty để theo dõi, tổng hợp.

Bộ yêu cầu Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam và các công ty cổ phần khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu VT, KHTC. XQ.5.

*Handwritten initials*

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



VĂN PHÒNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày...*10*...tháng...*5*...năm...*2018*

TL. CHÁNH VĂN PHÒNG  
TRƯỞNG PHÒNG KIỂM SOÁT TTHC VÀ VĂN THƯ, LƯU TRỮ

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Nguyễn Đức Toàn*

Số: 08 /NQ-HĐTV

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2018

### NGHỊ QUYẾT

V/v thoái vốn của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam  
tại Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2818/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TMV, ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên và Phối hợp công tác giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên số 04/BB-HĐTV ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Giao Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường thực hiện:

1. Lập báo cáo tài chính, kiểm toán báo cáo tài chính đến hết ngày 31/12/2017 để xác định giá trị doanh nghiệp, giá khởi điểm của cổ phần.
2. Thực hiện việc thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần theo đúng lộ trình và hoàn thành trong quý II năm 2018.

**Điều 2.** Đồng ý lựa chọn đơn vị tư vấn xác định giá khởi điểm và đơn vị tư vấn xây dựng phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường cụ thể như sau:

1. Đơn vị tư vấn xác định giá khởi điểm là Công ty TNHH PKF Việt Nam.
2. Đơn vị tư vấn xây dựng phương án chuyển nhượng vốn là Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt.

Giao Người đại diện phần vốn làm việc với các đơn vị tư vấn để dự thảo hợp đồng trình Hội đồng thành viên Tổng công ty xem xét và ký hợp đồng.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Thành viên HĐQT;
- Tổng giám đốc;
- Kiểm soát viên T.Cty;
- Phòng Tài chính - Kế toán T.Cty;
- Ban chỉ đạo thoái vốn Tổng công ty;
- Tổ giúp việc Ban chỉ đạo thoái vốn;
- Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Địa chính và TNMT;
- Lưu: VT, HĐQT. *Hilong*

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



**Lê Xuân Dũng**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày *30* tháng *5* năm 20*18*

**PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Lương Thanh Hương**

Số: 22 /NQ-HĐTV

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2018

### NGHỊ QUYẾT

V/v phê duyệt Phương án thoái vốn của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam tại Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2818/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TMV, ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên và Phối hợp công tác giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020;

Căn Công văn số 1133/BTNMT-KHTC ngày 12/3/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐTV ngày 14/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam về việc thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường;

Căn cứ Công văn số 380/2018/BVSC-TV ngày 15/5/2018 của Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt về việc dự thảo hồ sơ thoái vốn;

Xét Tờ trình số 116/TTr-ĐCTNMT ngày 16/5/2018 của Người đại diện phần vốn Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam tại Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên số 12/BB-HĐTV ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án thoái vốn của Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam tại Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường với nội dung chính như sau:



**BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ DƯ CHỨNG KHOÁN**

Ngày: 12/06/2018

Chi nhánh: Tất cả

Số tài khoản lưu ký: 001C000831

Sàn giao dịch: Tất cả

Số tiêu khoản: Tất cả

Mã chứng khoán: Tất cả

Tên khách hàng	Số TK lưu ký	Số tiêu khoản	Mã CK	Số dư chứng khoán												
				Giao dịch	HCCN	Phong tỏa	Cầm cố		Mua + Quyền chờ về	Bán chờ giao	Bán chờ khớp	Chờ chuyển ra ngoài	Chờ giao dịch		Tổng cộng	
							DF	VSD					TDCN	HCCN		
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	001C000831	0001005124	CER	978,750	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	978,750
Cộng: CER				978,750	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	978,750
Tổng cộng				978,750	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	978,750

Người lập



Tô Lan Hương

Ngày 13 tháng 06 năm 2018

Người duyệt



*Nguyễn Thanh Hà*